

DANH NHÂN VĂN HÓA NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU VÀ TƯỢNG ĐÀI BẤT HỦ VỀ NGƯỜI NÔNG DÂN CHỐNG NGOẠI XÂM

Đoàn Lê Giang

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Email: giangdoanle@hcmussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 5/11/2022; ngày hoàn thành phần biên: 26/12/2022; ngày duyệt đăng: 26/12/2022

TÓM TẮT

Năm 2022 Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) cùng Việt Nam và một số nước thành viên khác tiến hành kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu. Cùng với Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh, Nguyễn Du, Chu Văn An, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu trở thành nhà văn hóa thứ sáu của Việt Nam được UNESCO vinh danh. Nói đến Nguyễn Đình Chiểu là nói đến truyện thơ *Lục Vân Tiên*, bên cạnh đó là tác phẩm *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc*. Đây đồng thời cũng là hai tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu được dịch ra tiếng nước ngoài. Bài viết này giới thiệu tư liệu về hoàn cảnh ra đời, văn bản đầu tiên và giá trị của bài *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc* - tác phẩm làm nên tên tuổi Nguyễn Đình Chiểu như là nhà văn tiêu biểu chống chủ nghĩa thực dân thế kỷ XIX.

Từ khóa: Nguyễn Đình Chiểu, danh nhân văn hóa, Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc, văn học chống chủ nghĩa thực dân.

Nói đến Nguyễn Đình Chiểu là nói đến truyện thơ *Lục Vân Tiên*, bên cạnh đó là *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc* (thường được gọi là *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*). Nếu *Lục Vân Tiên* với bản dịch của Gabriel Aubaret do Nhà in Impériale, Paris xuất bản 1864 có vinh dự là tác phẩm đầu tiên của Nguyễn Đình Chiểu, đồng thời cũng là đầu tiên của văn học Việt Nam được dịch ra tiếng nước ngoài, thì *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc* với bản dịch tiếng Pháp của Gustave Janneau, Đốc học trường Thông ngôn Saigon/ Collège des Interprètes, in đằng sau cuốn *Lục Vân Tiên* bằng chữ Quốc ngữ do Nhà Challamel Ainé, Paris xuất bản năm 1873 vinh dự là tác phẩm thứ hai của Nguyễn Đình Chiểu được dịch ra ngoại ngữ. *Lục Vân Tiên* cùng với *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc* là những tác phẩm được hàng triệu người Việt Nam biết đến và yêu thích thông qua các sách giáo khoa Ngữ văn từ hơn 50 năm nay. Đối với nước ngoài, *Từ điển văn học phổ thông* (*Dictionnaire universel des Littératures*) xuất bản ở Pháp năm 1994 -

mục từ “Nguyễn Đình Chiểu”, cùng với việc ghi nhận *Lục Vân Tiên*, thì cũng đánh giá rất cao bài văn tế này, coi đó như hai tác phẩm tiêu biểu nhất của Nguyễn Đình Chiểu:

“Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), nhà thơ mù, quê ở Gia Định (Nam Việt Nam), là tác gia tiêu biểu cuối cùng của nền văn học cổ điển Việt Nam. Trong tác phẩm của ông, người ta có thể thấy những đặc tính tiêu biểu của văn học cổ điển: chữ Nôm, đạo đức Nho giáo về lòng trung quân, lòng hiếu thảo, liêm si và chính nghĩa; đồng thời, thấm nhuần trong ấy truyền thống yêu nước và nhân văn cao cả. Truyện thơ *Lục Vân Tiên* của ông thể hiện hình tượng con người lương thiện của nhà Nho là một tác phẩm văn học kinh điển đến nay vẫn được đánh giá cao. Trong các lễ tang lớn, Nguyễn Đình Chiểu còn nổi tiếng với các bài văn tế tưởng nhớ những người kháng chiến chống thực dân Pháp như: *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc*, *Văn tế Trương Định*, *Văn tế sĩ dân trận vong Lục tỉnh*. Các tác phẩm này thể hiện sâu sắc truyền thống yêu nước Việt Nam, đồng thời trong các bài văn tế này, từ thực tế lịch sử chống Pháp nổi lên hình tượng người nông dân, nhân vật sau này trở thành một nhân vật quan trọng trong văn học Việt Nam hiện đại.” (Béatrice Didier chủ biên, tr.4030).

Trong bài viết này chúng tôi cung cấp thêm tư liệu lịch sử, văn bản quốc ngữ sớm nhất của bài văn tế ấy và nhấn mạnh thêm giá trị, ý nghĩa của tác phẩm.

1. VÀI SỬ LIỆU VỀ TRẬN CẦN GIUỘC NGÀY 16 THÁNG 12 NĂM 1861

Trong cuốn *Quốc âm thi tập (rút trong các xấp văn chương)* (Sài Gòn, Impr. Commercial Marcelles, 1907), trang 36, Paulus Của Đốc phủ sứ có chép bài *Văn tế vong hồn mộ nghĩa* (một tên gọi khác của bài *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc*), mở đầu người biên soạn có viết một đoạn bằng chữ quốc ngữ về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm ấy như sau:

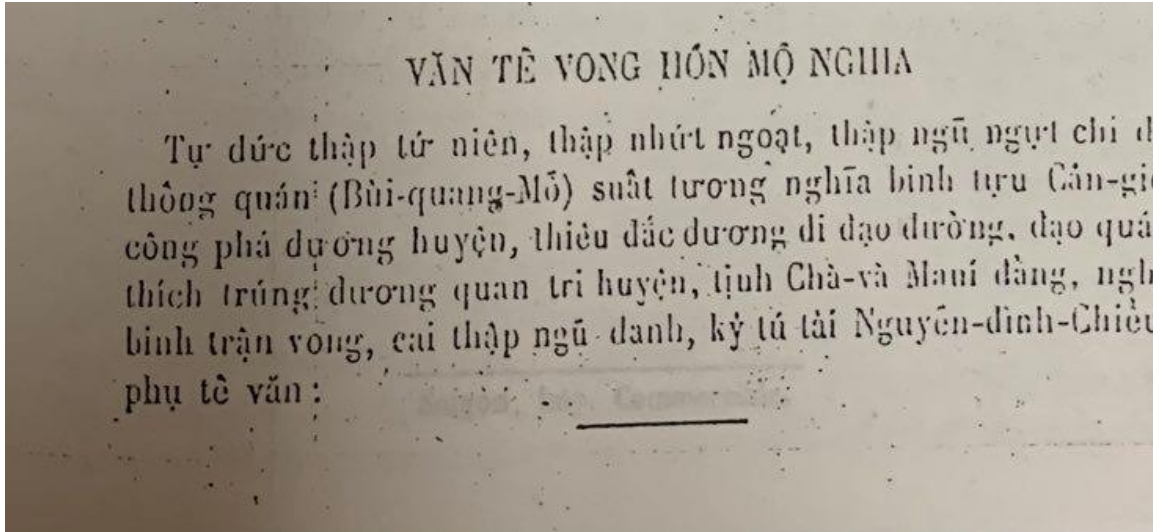
“Tự Đức thập tứ niên thập nhứt nguyệt thập ngũ nhật chi dạ, Thống quân (Bùi Quang mỗ) suất tương nghĩa binh tỵ Cần Giuộc công phá dương huyện, thiêu đắc dương di đạo đường, đạo quán, thích trúng dương quan tri huyện, tịnh Chà Và Mani đảng. Nghĩa binh trận vong, cai thập ngũ danh, kỳ tú tài Nguyễn Đình Chiểu phụ tế văn.”

(Có thể khôi phục văn bản chữ Hán như sau:

嗣德十四年十一月十五日之夜、統管〔裴光某〕率將義兵就芹溪功破洋縣、燒得洋夷道堂、道館、刺中洋官知縣、並啖吧麻呢等。義兵陣忘、該十五名、倚秀才阮庭沼付際文)

Dịch: Đêm ngày 15 tháng 11 năm Tự Đức thứ 14 (tức đêm 16/12/1861) Thống quân (Bùi Quang mỗ⁽¹⁾) chỉ huy nghĩa binh đến Cần Giuộc công phá sở chỉ huy huyện của Tây, đốt cháy nhà thờ, nhà giảng của chúng, đâm trúng tri huyện người Pháp,

cùng một số lính Chà Và, Ma Ní. Nghĩa binh chết trận cả thảy 15 người. Nhờ Tú tài Nguyễn Đình Chiểu làm bài văn phụ tế.



*Văn tế vong hồn mộ nghĩa (tức Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc)
trong Quốc âm thi tập của Paulus Của*

Nhắc lại một số sự kiện lịch sử để thấy rõ hoàn cảnh ra đời của bài văn tế hơn:

Sau khi không thắng được quân triều đình Huế ở mặt trận Đà Nẵng, quân Pháp chuyển hướng tấn công Sài Gòn. Ngày 10 tháng 02, đại bác Pháp bắn vào Vũng Tàu, ngày 11 tháng 02, đoàn tàu chiến Pháp vào sông Cần Giờ.

Ngày 16 tháng 02 năm 1859, Pháp tấn công thành Gia Định, một ngày sau chiếm được thành. Hộ đốc thành Gia Định là Võ Duy Ninh tự sát trên đường rút lui. Quân Việt rút về đồn Cây Mai và đồn Kiểng Phước (Chợ Lớn).

Triều đình cử Kinh lược sứ Nguyễn Tri Phương vào chỉ huy quân đội. Ông tập trung quân xây dựng Đại đồn Chí Hòa bao vây quân Pháp.

Tháng 02 năm 1861, quân Pháp chiếm đồn Kiểng Phước và đồn Cây Mai. Từ đồn Cây Mai, chúng hạ Đại đồn Chí Hòa. Nguyễn Tri Phương bị thương phải về Phan Rí điều trị, em trai ông là Nguyễn Duy, giữ chức Tán lý Định Biên tử trận. Quan quân rút về Biên Hòa. Có lẽ từ thời điểm Đại đồn thất thủ cho đến khi Nguyễn Đình Chiểu viết *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc* (12/1861) là 10 tháng, người dân mong mỏi quân đội triều đình vào Nam đánh Pháp nhưng không thấy:

Tiếng phong hạc⁽²⁾ phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa;

Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm⁽³⁾, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

Trong tháng 3 năm 1861, Đô đốc Léonard Charner đã lập 4 toán lính mã tà.

Tháng 4 năm 1861, Charner quyết định tấn công Định Tường. Ngày 14 tháng 4 chiếm được thành Mỹ Tho. Đô đốc Nguyễn Công Nhân bỏ thành rút lui. Chiếm được thành Mỹ Tho, quân Pháp đánh chiếm tiếp cả một vùng trù phú giữa sông Vàm Cỏ và sông Tiền: Chợ Gạo, Rạch Gầm, Cai Lậy, Cái Bè (vùng Mỹ Tho); Tân An, Thuộc Nhiêu, Gia Thạnh, Gò Công (vùng Tân An); Cần Giuộc, Rạch Kiến (vùng Phước Lộc⁽⁴⁾).

Phong trào chống Pháp của sĩ dân nổ ra khắp nơi, mạnh nhất ở Gò Công - quê hương ngoại thích của vua Tự Đức đang bị Pháp chiếm đóng. Trương Định và Đỗ Trình Thoại mộ nghĩa quân ở Gò Công. Trận đánh đáng chú ý nhất là trận ngày 22 tháng 6 năm 1861 ở Gò Công do Đỗ Trình Thoại chỉ huy. Với 600 nghĩa quân, Đỗ Trình Thoại vây trung úy Paulin Vial, Trưởng đồn kiêm Giám đốc Bồn xứ sự vụ Gò Công đang đóng quân trong một cái đình. Vial bị đâm hai mũi giáo và bị hỏa hổ đốt cháy mù một mắt. Đỗ Trình Thoại trúng đạn hy sinh trong trận chiến.

Tháng 11 năm 1861 Phó Đô đốc Bonard đưa thêm quân tiếp viện đến thay thế Đô đốc Charner. Bonard muốn đánh Biên Hòa, Bà Rịa để làm chủ miền Đông Nam kỳ và chặn đường tiếp viện của quân triều đình đối với ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Ông cho rút bớt quân ở các đồn bót để tấn công Biên Hòa. Quân Việt thám thính biết được kế hoạch đó, một mặt củng cố lực lượng quân đội triều đình ở Biên Hòa, mặt khác nghĩa quân tăng cường hoạt động trên khắp các mặt trận.

Ngày 10 tháng 12 năm 1861, Nguyễn Trung Trực chỉ huy trận tấn công tàu Espérance (Hy vọng) đậu ở vàm Nhựt Tảo, giết được nhiều quân địch và đốt cháy tàu.

Ghi chép chi tiết về cục diện cuộc chiến ở khu vực Gia Định, Tân An, Gò Công trong đó có trận Cần Giuộc, Alfred Schreiner (1852 - 1911) có viết trong quyển *Abrégé de l'histoire d'Annam* (Tóm lược lịch sử An Nam, Chez d'Auteur/Tác giả tự xuất bản, Saigon, 1906) như sau:

“Cuộc đánh úp liêu lĩnh của nghĩa binh Việt (tức là vụ Nguyễn Trung Trực đốt tàu, Espérance tại sông Nhựt Tảo trưa ngày 10-12-1861) dường như là triệu chứng cho cuộc tổng tấn công các đồn bót Pháp. Các đồn này được lệnh tích cực giữ thế thủ, trong khi Bonard đã rút bớt quân lính để tập trung lực lượng lo đánh chiếm Biên Hòa.

“Lần này công tác của nghĩa binh Việt không phải rời rạc: tất cả dường như đã tính toán ăn rập với nhau, nhất tề đánh úp để lợi dụng sự rút bớt quân sĩ tại các đồn bót Pháp, từ ngày 14 đến 30 tháng 12 năm 1861. Phần lớn các đồn bót đều bị đánh phá dữ dội, nhưng tất cả quân binh công hãm đều phải rút lui với sự tổn thất lớn lao. Tân An (do Avezard cai quản), Gò Công (do d'Arfeuille), Cần Giuộc (do Dumont) đều bị tấn công ngày 14 tháng 12; Gia Thạnh (do Robinet và Pineau) ngày 18; Cái Bè (do Botter và Gonon) ngày 20 và 25; Rạch Gầm (do Rolz de Couzalaz) ngày 29; Rạch Cà Hôn (do Thouroude) ngày 30 tháng 12.” [5, tr.116].

Trong trận này, Bùi Quang Diệu chỉ huy 3 cánh quân tập kích đồn Tây dương ở chợ Trường Bình, Cần Giuộc. Nghĩa quân chiếm được đồn địch, đốt nhà dạy đạo và đâm bị thương Đồn trưởng Dumont, chém chết một số lính mã tà, ma ní. Giặc Pháp phải dùng đại bác từ tàu chiến đậu trên sông Cần Giuộc để chiếm lại đồn. Lưu ý là trong trận này Đồn trưởng quan hai Dumont không chết như một số tài liệu ghi lầm.

Báo *Courrier de Sài Gòn* (Thư tín Sài Gòn) 1866 cho biết thêm chi tiết về trận Cần Giuộc ngày 14 tháng 12 năm 1861:

“Về trận này, trong *Quốc âm thi tập* Paulus Của nói nghĩa binh chết 15 người, còn trong công văn Đỗ Quang⁽⁵⁾ nói 27 người. Sau trận này Đỗ Quang dạy Bùi Quang Diệu điếu tế nghĩa dân bị tử trận, vì thế mà có bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Đồ Chiểu. Bài này chẳng những chỉ được chạy cùng miền Cần Giuộc mà còn bay khắp cả các tỉnh trong nước do bộ Lễ ở Huế truyền đi” (dẫn theo Nguyễn Bá Thế, 1957, tr.76).

Lúc bấy giờ Nguyễn Đình Chiểu đang ở chùa Tôn Thạnh (còn có tên là chùa Lan Nhã, dân gian thì gọi là chùa Lão Ngô, do sư Viên Ngô lập ra). Nghĩa quân trước khi công đồn tập trung ở chùa này. Sau trận đánh thi thể nghĩa binh cũng được đưa về chùa này để làm làm lễ mai táng. Đồ Chiểu được Quản Là nhờ viết văn tế và đọc tại đây.

Bài văn tế theo lệnh của bộ Lễ truyền đi khắp nơi, ra Kinh đô, đến được tay Mai Am, công chúa và Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, hoàng tử con vua Minh Mạng, cả hai đều là thi sĩ cung đình hàng đầu. Mai Am và Tùng Thiện vương xúc động mỗi người làm một bài thơ ghi lại cảm tưởng khi đọc bài văn tế của ông Đồ mù bên sông Bến Nghé.

Mai Am - *Độc Điếu nghĩa dân tử trận văn*

*Điếu văn tam phục trúng đê hồi,
Nghị phách từ phong tấn khả ai.
Xích tử cần vương năng địch khái,
Thư sinh dụng võ tích phi tài.
Yên mê chiến lũy Tây nhung mãn,
Nguyệt lãnh sa trường bạch cốt đôi.
Quốc ngữ nhất thiên truyền bất hủ,
Tuyệt thắng Quảng Hán yếm khô hài.*

Dịch:

Bồi hồi đọc mãi bản văn ai,
Phách cứng vẫn hùng cảm động thay.
Dân chúng cần vương vì ghét địch,
Nhà nho lâm trận tiếc không tài.
Giặc đây chiến lũy tầng mây phủ,
Xương chất sa trường bóng nguyệt soi.
Quốc ngữ một thiên truyền mãi mãi,
Còn hơn xây cất mộ khô hài.

Lê Thuốc dịch
[4, tr.194].

Tùng Thiện Vương - *Độc Nguyễn Đình Chiểu điều nghĩa dân tử trận quốc ngữ văn*

*Chiến trường hựu bả điều văn khai,
Lạ đập biên thanh nhất nhất lai.
Quốc ngữ danh tể Mạnh Tử sử,
Quý hùng ca đáo Khuất Bình ai.
Yết can trăm mộc kham thiên cổ,
Oán hạc tể viên tính kỷ hồi.
Chí cánh thư sinh không bút trận,
Báo quân chỉ thử diệc bi tai.*

Dịch:

Điều văn đọc lại áng biên cương,
Ngõ gió vi vu tiếng chiến trường.
Quốc ngữ văn ngang lời tín sử,
Quý hùng phách sánh điệu từ chương.
Tâm vòng áo vải danh còn mãi,
Bình bại thân vong chuyện đã thường.
Canh cánh nghĩ thương lòng kẻ sĩ,
Chỉ còn ngọn bút báo ơn sông.

Cao Tự Thanh dịch
[3, tr.245].

2. VĂN BẢN QUỐC NGỮ ĐẦU TIÊN CỦA BÀI VĂN TẾ NGHĨA DÂN CHẾT TRẬN CẦN GIUỘC

Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc còn khá nhiều bản Nôm, có bản sưu tầm ở Cần Giuộc, Long An, có bản thì ở Bến Tre hay các tỉnh khác. Các văn bản tất cả đều chép tay, và cũng khác nhau ít nhiều.

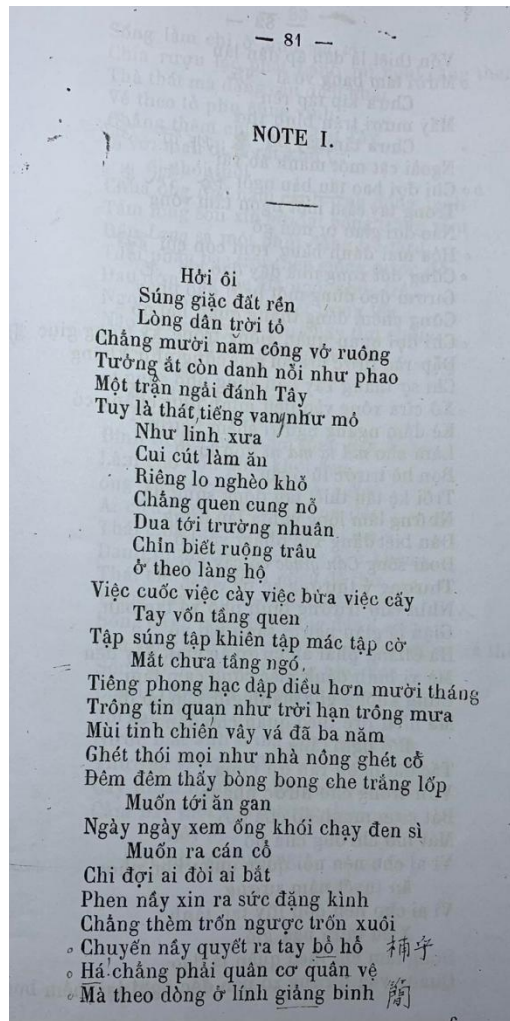
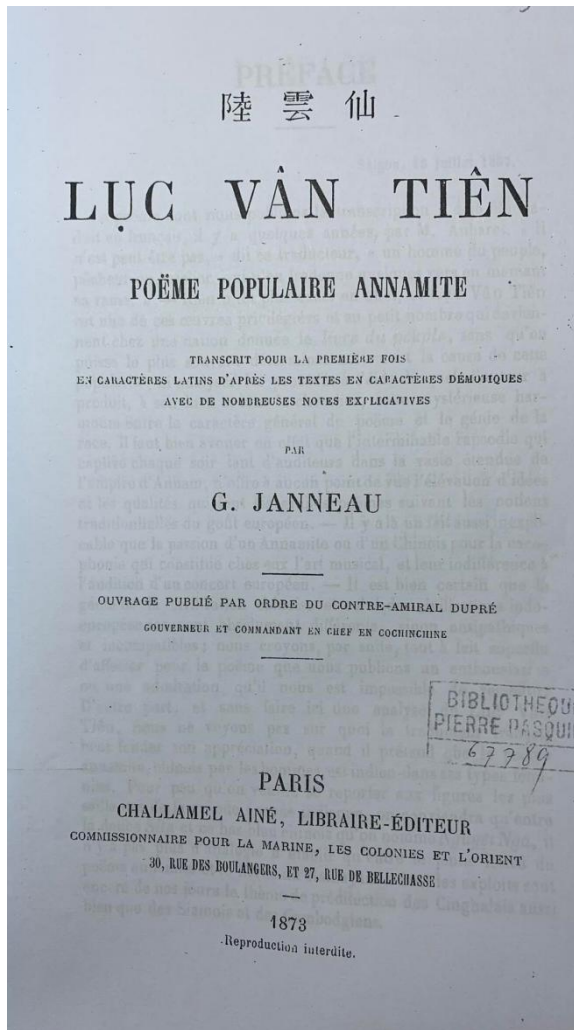
Về văn bản quốc ngữ bài *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc*, trước nay người ta coi bản in ở sách *Gia Lễ* của Hoàng Tịnh Paulus Của với nhan đề *Văn tế vong hồn mộ nghĩa*, do Nhà Rey et Curiol, Sài Gòn xuất bản năm 1886 là bản sớm nhất. Kế đến là các bản do Nhà in Commerciale Ménard et Rey, Sài Gòn tái bản 1904; bản in trong *Quốc âm thi tập (rút trong các xấp văn chương)* của Paulus Của Đốc phủ sứ (Sài Gòn, Impr. Commercial Marcelles, 1907) và sau đó.

Tuy nhiên, chúng tôi đã tìm được bản in quốc ngữ sớm hơn, đó là bản in phụ lục phía sau cuốn *Lục Vân Tiên: Poème populaire annamite* (Truyện thơ dân gian An Nam) của Gustave Janneau, Đốc học trường Thông ngôn Saigon/ Collège des Interprètes. Challamel Ainé, Paris, 1873. Sách này hoàn thành và in lần đầu năm 1867, tức là 6 năm sau bài văn tế của Nguyễn Đình Chiểu ra đời. Bản in này không có nhan đề, bản Quốc ngữ từ trang 81 đến trang 83, bản dịch Pháp văn từ trang 84 đến trang 87.

Janneau đánh giá cao bài văn tế này, ông viết:

“Nếu bỏ qua cảm giác căm thù người Pháp, một điều hoàn toàn tự nhiên lúc bấy giờ đã khơi nguồn sáng tác những khổ thơ này nơi tác giả của chúng, thì chúng ta sẽ tìm thấy trong bài thơ nổi loạn này một lòng nhiệt thành yêu nước, đủ gây sự hiếu kỳ để biện minh cho việc hiện diện của nó trong tập sách này” [2, tr.7-8].

Xin chụp dưới đây văn bản bài văn tế ấy. Do văn bản, do khả năng đọc chữ Nôm cũng như in ấn mà văn bản bài này có khá nhiều chỗ phiên âm lạ tai hoặc sai sót. Xin giới thiệu nguyên văn để cung cấp thêm tư liệu cho độc giả.



— 82 —

Vốn thiệt là dân áp dân lân
Mười tám bang võ sĩ 班
Chưa kịp tập rèn
Mấy mươi trận binh thơ
Chưa tâng bày bố 慶排市 曆
Ngoài cật một manh áo vải
Chi đợi bao tầu bầu ngòi 稜瓢 窠
Trong tay cầm một ngọn tầm vông
Nào đợi giao tu nón gô
Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi 踮
Cũng đốt xong nhà dây đạo kia 泥
Gươm đeo dùng một lưỡi dao phay
Cũng chém đặng thằng quan hai nó
Chi đợi quan quân giống trống kỳ trống giục 其
Đập rào lược tới coi giặc cũng như không
Chi sợ thằng Tây bán súng nhỏ súng to
Xô cửa xông vào liều mình như chẳng có
Kẻ dâm ngang người chém ngược
Làm cho mã tà ma ní hồn kinh
Bọn hè trước lũ ó sau
Trối kệ tàu thiết tàu đồng súng nổ
Những lăm lộng nghĩa lâu dưng
Đầu biết đặng xác phàm vôi bó
Đoái sông Cấn giục cỏ cây rơi lụy
Thương ý thương kẻ tử vô cô
Nhìn chợ trường bình phố xá tan oan
Giận là giận người sanh bắt vớ
Hà Chẳng phải án cướp án gian đầy đến
Mà vi binh đánh giặc cũng cam tâm
Cũng không giữ thành giữ bao bỏ đi
Mà hiệu lực theo quân cho đáng số
Bởi nghĩ rằng
Tắc đất ngọn rau ơn chúa
Vun trồng cho nước nhà ta
Bát cơm manh áo của đời
Mắt mở chi ông cha nó
Vì ai cho nên nổi quan quân khó nhọc
ăn tuyết nằm sương
Vì ai cho nên đốn lỵ tan tành
Xiêu mưa ngã gió
Sống làm chi theo quân tà đạo
Quang vừa hương xô bàn độc nghĩ lại thêm buổ

— 83 —

Sống làm chi ở lính mã tà
Chia rượu lạc phát bánh mì nghỉ càng thêm
Thà thất mà đặng câu địch khái
Về theo tổ phụ cũng vinh
Chẳng thêm chịu chữ đầu Tây
ở với man di là rất khổ
ối thôi thôi
Chùa ông Ngô năm canh ưng đóng lạnh
Tâm lòng son xin gởi lại bóng trăng rằm
Độn Lang sa một phút đặng trả hữu
Túi phẫn bạc trôi theo giống nước đỏ
Đầu dớn bầy mẹ già ngòi khóc trẻ
Ngọn đèn khuya leo lét trong lều
Nào nong thay vợ yếu chạy tìm chồng
Con bóng xế dạc dờ ngoài ngõ
ôi
Một trận khói đen
Ngàn năm tuyết trắng
Binh tướng nó nhóm sông Bến Nghé
Làm cho bốn phía khói đen
Ông cha ta còn ở đất Đông Nai
Ai cứu đặng một phần con đồ
Thất đặng trả nước non rơi nợ
Danh thơm sáu tỉnh cũng đều khen
Thất cho ưng đình miếu để thờ
Tiếng hay trái muộn dân đều ngợi
Sống đánh giặc thất cũng đánh giặc
Xin vọng hồn theo giúp các cơ binh đặng trả thù
Sống nhờ vua thất cũng nhờ vua
Lợi du đã đành rành một chữ
ấm đủ đến ơn nọ
Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo
Thương vì hai chữ thiên dân
Cây nhân nghĩa sĩ đốt thêm thơm
Cảm bầy một câu vương thổ
Hỡi ôi
Có linh xin hưởng

3. “VĂN TẾ NGHĨA DÂN CHẾT TRẬN CẦN GIUỘC” - MỘT TRONG “TẾ VĂN TAM ĐẠI TÁC” CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Không trực tiếp đánh giặc bằng súng gươm đao, Đồ Chiểu chọn lấy cây bút. Nhà thơ đã ghi lại cả một thời kỳ đau thương và vĩ đại của dân tộc với một thái độ yêu ghét rõ ràng, đúng đắn để cổ vũ cho cuộc kháng chiến và giữ lấy ngọn lửa yêu nước trong nhân dân.

Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ là một hiện thực rất mới mẻ. Đó là cuộc chiến tranh nhân dân : cuộc chiến tranh của những người nông dân tự mình đứng lên chống giặc.

Thực dân Pháp xâm lược nước ta, triều đình rối mù trong những cuộc bàn cãi chiến, thủ, hòa. Triều đình vừa chống giặc lại vừa sợ giặc. Người nông dân chẳng có gì phải suy nghĩ đắn đo nhiều, đạo lý ông bà truyền lại mách bảo họ một sự lựa chọn giản đơn: “Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”. Thế là họ cầm vũ khí đứng lên, họ làm ra lịch sử theo ý muốn của mình: lịch sử của những người nông dân chống Pháp. Thời đại đã đưa người nông dân lên sân khấu chính trị trở thành nhân vật chính, người nghệ sĩ chỉ có nhiệm vụ nhìn nhận ra hiện thực mới này và phản ánh nó. Trong khi đại đa số các nhà thơ khác vẫn còn say sưa với loại nghệ thuật cao quý trong tháp ngà với những người quân tử kiểu cũ, thì người nghệ sĩ mù Nguyễn Đình Chiểu là người đầu tiên đã sáng suốt phát hiện ra hiện thực mới này và đưa nó vào thơ văn.

Nếu như trong cuộc cách mạng Pháp, họa sĩ Delacroix đã tạo ra hình tượng tuyệt đẹp về con người đấu tranh cho tự do trong bức họa nổi tiếng *Thân Tự Do trên chiến lũy*, tượng trưng cho tinh thần của cuộc cách mạng ấy, thì nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu cũng tạo ra hình tượng bất hủ về người nông dân đứng lên chống thực dân Pháp vì nền độc lập trong bài văn bi hùng *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc*. Chưa bao giờ trong văn học nước nhà, người nông dân lại được thể hiện với sức mạnh và vẻ đẹp như thế. Họ không còn là một đám đông đói rách “yết can trăm mộc”, gιο sào làm cò, chặt cây làm giáo trong cái cuộc nổi dậy vì áo cơm của bản thân mình nữa, mà lần này họ xuất hiện với vẻ đẹp tinh thần của những con người vì nghĩa lớn : vì nền độc lập của dân tộc. Họ không chỉ đơn giản là *nhân vật hành động*, mà là *nhân vật tư tưởng*. Năm thế kỷ trước, Nguyễn Trãi đã khắc họa nên hình tượng Lê Lợi, người anh hùng cứu nước trong áng “thiên cổ hùng văn” *Cáo bình Ngô*. Đến bây giờ là Nguyễn Đình Chiểu. Tấm lòng đau đáu yêu nước lo đời là một, chỉ có một điều khác : ngày xưa là một vị thiên tử, còn bây giờ là những người nông dân :

Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa;

Mùi tinh chiến vấy vá đã ba năm, ghét thói mặt như nhà nông ghét cỏ.

Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan;

Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ.

Một môi xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu;

Hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó.

Khi ra trận, người nghĩa sĩ tự trang bị cho mình bằng những vật dụng quen thuộc hàng ngày: cái nùi rom để hút thuốc, con dao phay để làm bếp. Những vật dụng như thế bỗng chốc trở thành vũ khí để chống chọi với “đạn nhỏ đạn to”, “tàu thiếc tàu đồng”. Cái gì đã tạo nên những phép thần kì ấy? Đó chính là sức mạnh của ý chí con người, của lòng yêu thiết tha quyền tự chủ của dân tộc mình.

Chấp nhận đối đầu với vũ khí tối tân, đó là sự lựa chọn tự giác của những người nông dân, một sự lựa chọn quả cảm. Chính tinh thần ấy đã tạo nên sức mạnh phi thường của họ. Nguyễn Đình Chiểu đã vẽ nên bức tranh công đồn sinh động và hào hùng :

Chi nhọc quan quân giống trông kì, trông giục, đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không;

Nào sợ thừng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to xô của xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho Mã tà, Ma ní hồn kinh;

Bọn hè trước, lũ ó sau, trôi kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.

Trong bức tranh ấy, tung hoành giữa chiến trường chỉ có người nông dân mộ nghĩa. Hình ảnh của họ in lồng lộng trên nền trời Tổ Quốc. Hình tượng người “dân ấp dân lân” bỏ mình vì nước cũng trở thành hình tượng bất hủ trong văn học Việt Nam.

Bài *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc* còn thể hiện tư tưởng nhân đạo, thân dân, yêu hòa bình truyền thống của dân tộc Việt Nam. Trong tác phẩm này Nguyễn Đình Chiểu cho thấy nhân dân là nạn nhân đầu tiên của chiến tranh, trong đó ông đặc biệt chú ý đến phụ nữ: những người mẹ già mất con, vợ yếu mất chồng:

Đau đớn bấy! mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều;

Nào nùng thay! vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ.

Nếu như *Lục Vân Tiên* được nhân dân ưa thích do tính chất bình dân - bình dân từ cách kể chuyện cho đến ngôn từ, thì *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc* lại được truyền tụng do giọng văn bi hùng với ngôn ngữ tráng lệ, uyên bác, đầy điển cố của nó. Nói đến văn tế, người ta hay nhắc đến những áng văn nổi tiếng cổ kim: Ở Bắc có *Văn khóc chị* của Nguyễn Hữu Chỉnh, *Văn tế Trương Quỳnh Như* của Phạm Thái, *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du; trong Nam có *Văn tế Võ Tánh và Ngô Tông Châu* của Đặng Đức Siêu, *Văn tế tướng sĩ trận vong* của Nguyễn Văn Thành..., nhưng nếu nói đến những bài văn tế hay nhất thì phải nói đến ba bài: *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc*, *Văn tế Trương Định*, *Văn tế sĩ dân trận vong Lục tỉnh*. Ba bài văn tế ấy xứng đáng là ba đại danh tác về văn tế - “Tế văn tam đại tác” của Nguyễn Đình Chiểu và ông xứng đáng là người viết văn tế hay nhất trong văn học cổ điển Việt Nam, đúng như Giáo sư Trần Văn Giàu khẳng định: “Vị như chỉ còn lưu lại mấy bài văn tế và hịch thôi, thì Đồ Chiểu cũng xứng đáng được suy tôn như một nhà văn cổ điển lớn”[7, tr.169].

CHÚ THÍCH

(1) *Bùi Quang mỗ*: Tức Bùi Quang Diệu hay Bùi Quang Là, tức là Đốc binh Là, người Pháp gọi là Quản Là. Cai tổng năm 1860, người chỉ huy trận Cần Giuộc 14/12/1861. Em út của Nguyễn Đình Chiểu là Nguyễn Đình Huân (1841 - 1863) theo Đốc binh Là đánh Pháp, tử trận ở Cần Giuộc năm 1863. Ngày 21 tháng 9 năm 1866, Quản Là mang 1200 quân ra hàng Pháp.

(2) *Tiếng phong hạc*: lấy điển từ “*Văn phong thanh hạc lệ, giai dĩ vi vương sư dĩ chí*” (Tấn thư, Tạ Huyền truyện) 聞風聲鶴唳,皆以為王師已至 (Nghe tiếng gió thổi, hạc kêu, đều ngỡ là quân nhà vua đến). Ý nói kể từ khi Đại đồn thất thủ (02/1861) đến nay (12/1861) đã hơn 10 tháng rồi, lúc nào nghe thấy tiếng gió tiếng hạc kêu mà cứ ngỡ quân triều đình đến đánh Pháp, mà thực ra chẳng thấy.

(3) *Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm*: Mùi dê chó tanh hôi (chỉ quân Pháp) ám ảnh nước ta giờ đã ba năm là tính từ ngày 01 tháng 9 năm 1858 quân Pháp tấn công Đà Nẵng đến nay (12/1861) đã 3 năm rồi.

(4) *Huyện Phước Lộc*, tỉnh Gia Định đóng ở chợ Cần Giuộc.

(5) *Đỗ Quang* (1807 - 1866): quê Hải Dương, đậu Tiến sĩ năm 1832. Năm 1860 được triều đình cử vào Nam làm chức Thự Tuần phủ Gia Định. Đại đồn thất thủ, ông dẫn quân chạy về Biên Hòa, bị cách chức, nhưng vẫn được lưu dụng. Khi quân Pháp kéo lên đánh Biên Hòa tháng 12 năm 1861, ông bí mật xuống Gò Công kết hợp với Trương Định trấn giữ nơi hiểm yếu. Sau Hòa ước Giáp Tuất 1862 ông về Bắc, làm quan một thời gian thì bị bệnh mất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Paulus Của Đốc phủ sứ (1907), *Quốc âm thi tập (rút trong các xấp văn chương)*, Sài Gòn, Impr. Commercial Marcelles, trang 36.
- [2]. Gustave Janneau phiên âm, chú thích (1873), *Lục Vân Tiên: Poème populaire annamite* (Truyện thơ dân gian An Nam) của Đốc học trường Thông ngôn Saigon/ Collège des Interprètes. Challamel Ainé, Paris, 1873.
- [3]. Nguyễn Khuê & Cao Tự Thanh (2011), *Một trăm câu hỏi đáp về văn học Hán Nôm ở Gia Định-Sài Gòn*, NXB.Văn hóa Văn nghệ, TP.HCM.
- [4]. Huỳnh Lý (chủ biên) (1984), *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam 1858-1920*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [5]. Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa (1971), *Sưu tập bổ túc các bài báo về Nguyễn Đình Chiểu*, Sài Gòn. Bài Lê Ngọc Trụ, “Một bài văn tế có tính cách sử liệu”, *Đồng Nai văn tập* số 7 năm 1966.
- [6]. Nguyễn Bá Thế (1957), *Nguyễn Đình Chiểu (thân thế và thi văn) 1822-1888*, Tủ sách “Những mảnh gương”, Tân Việt xuất bản.
- [7]. Viện Văn học (1973), *Nguyễn Đình Chiểu, tâm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, NXB.Khoa học xã hội, Hà Nội, Bài Trần Văn Giàu: “Vì sao tôi thích đọc Nguyễn Đình Chiểu”.

PHỤ LỤC



Ảnh trên:
Chùa Tôn Thạnh hiện
nay



Ảnh dưới:
Tượng nghĩa dân Cần
Giuộc ở thị trấn Cần
Giuộc (Long An)
Ảnh: Đoàn Lê Giang

THE CULTURAL CELEBRITY NGUYEN DINH CHIEU AND THE IMMORTAL MONUMENT OF FARMERS AGAINST FOREIGN INVADERS

Doan Le Giang

University of Social Sciences and Humanities,
Vietnam National University, Ho Chi Minh City

Email: giangdoanle@hcmussh.edu.vn

ABSTRACT

In 2022, the United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization (UNESCO) together with Vietnam and other countries co-organized the commemoration of the 200th birth anniversary of Nguyen Dinh Chieu. Along with Nguyen Trai, Ho Chi Minh, Nguyen Du, Chu Van An, Ho Xuan Huong, Nguyen Dinh Chieu became the sixth poet to be officially honored as “World Cultural Celebrity” by UNESCO. Nguyen Dinh Chieu was well known as the author of *Luc Van Tien* (*The Tale of Luc Van Tien*) and *Van te nghĩa dân chết trận Cần Giuộc* (*The Sacrifice of the Can Giuoc philanthropist*). These are the two best-known of Nguyen Dinh Chieu’s works which have been translated into foreign languages. This paper will focus on introducing the documents related to the situation of *Van te nghĩa dân chết trận Cần Giuộc* composing, its first text and its values – an outstanding literary which makes the name Nguyen Dinh Chieu famous as the anti-colonial author in the XIX Century.

Keywords: Anti-colonial literature, cultural celebrity, Nguyen Dinh Chieu, *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc* (*The Sacrifice of the Can Giuoc philanthropist*).



Đoàn Lê Giang sinh ngày 10/1/1961. Ông tốt nghiệp đại học ngành Ngữ văn tại Trường Đại học Tổng hợp TP.HCM năm 1983, tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành Lý thuyết và Lịch sử văn học tại trường Đại học KHXH và NV, ĐHQG TP.HCM năm 2001, được phong Phó Giáo sư năm 2006. Hiện nay, ông công tác tại Trường Đại học KHXH và NV, ĐHQG TP.HCM.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học cổ cận đại Việt Nam, Văn học so sánh Đông Á.